

Số: 302 /BC-VHXXH

Quảng Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm tra báo cáo và các dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khóa XVIII

Thực hiện sự phân công, chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo và dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khoá XVIII như sau:

I. Về Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024 và Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Sau khi nghiên cứu Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 liên quan đến lĩnh vực văn hóa - xã hội, Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản nhất trí với báo cáo của UBND tỉnh, đồng thời nhấn mạnh và làm rõ thêm một số vấn đề sau:

1. Về những kết quả đạt được

Năm 2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời đề ra các định hướng, quyết sách lớn của Tỉnh ủy; sự chỉ đạo điều hành năng động, linh hoạt, có hiệu quả của UBND tỉnh nên tình hình kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Trong 6 chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa - xã hội, có 02 chỉ tiêu vượt kế hoạch¹, 03 chỉ tiêu đạt kế hoạch², trong đó: Tỷ lệ giải quyết việc làm cho người lao động, giảm số hộ nghèo tăng so với cùng kỳ. Ngành Giáo dục - Đào tạo đã thực hiện tốt công tác dạy và học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; các kỳ thi trong năm học được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng Quy chế; đội tuyển học sinh giỏi tỉnh ta tham gia và đạt kết quả cao tại kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2023-2024. Các hoạt động văn hóa, thể thao có nhiều khởi sắc, góp phần lan tỏa giá trị tốt đẹp trong Nhân dân; đặc biệt tổ chức thành công hoạt động Kỷ niệm 420 năm hình thành tỉnh Quảng Bình; 75 năm ngày Quảng Bình quật khởi và 35 năm ngày tái lập

¹ Chỉ tiêu giải quyết việc làm cho 21.000 lao động/19.500 lao động theo kế hoạch; Số hộ nghèo giảm 2.103 hộ (KH 2.000 hộ), tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,84% theo chuẩn nghèo đa chiều (KH giảm 0,8%);

² Chỉ tiêu dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,75%/93,75% kế hoạch; lao động qua đào tạo đạt 70%/70% kế hoạch; số bác sỹ và giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 11,5/11,5 bác sỹ kế hoạch, 37/37 giường kế hoạch...

tỉnh...; thể thao thành tích cao đã đạt được nhiều kết quả nổi bật³. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được nâng lên; ứng dụng nhiều kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, phục vụ tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Y tế dự phòng được giám sát chặt chẽ, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai quyết liệt, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 0,84% (vượt so với kế hoạch đề ra, kế hoạch giảm 0,8%); các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông phục vụ kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế- xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc, miền núi được triển khai tích cực, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát, theo dõi, Ban nhận thấy trên lĩnh vực văn hóa - xã hội vẫn còn một số khó khăn, hạn chế sau:

- *Về giáo dục - đào tạo:* Việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt kế hoạch đề ra (chỉ đạt 58,41%/65,7% kế hoạch); nhiều trường đã quá thời hạn công nhận đạt KĐCLGD và đạt chuẩn quốc gia nhưng không được đầu tư xây dựng đáp ứng với Bộ tiêu chuẩn mới về tiêu chuẩn cơ sở vật chất để được đánh giá công nhận lại. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học tại một số cơ sở giáo dục còn thiếu, chưa đồng bộ. Nhiều cơ sở giáo dục đang xảy ra tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, đặc biệt là cấp TH, THCS. Tình trạng thiếu biên chế giáo viên; thiếu nguồn giáo viên để hợp đồng đồng giảng dạy một số môn chuyên biệt ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Công tác phân luồng, tư vấn, hướng nghiệp và tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa thực sự hiệu quả.

- *Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:* Chất lượng khám chữa bệnh tuy từng bước được nâng lên nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu; nhiều cơ sở y tế còn thiếu bác sĩ và nhân lực chuyên môn có trình độ cao, nhất là ở tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn và cung ứng dịch vụ y tế của đơn vị. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế còn hạn chế; việc triển khai thực hiện Hồ sơ sức khỏe điện tử, Hồ sơ bệnh án điện tử, Sổ khám sức khỏe điện tử còn chậm, gặp khó khăn.

- *Về văn hóa - thể thao:* Kinh phí dành cho hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn⁴. Một số địa

³ các đội tuyển thể thao thành tích cao tham gia thi đấu 32 giải, đạt 176 huy chương các loại vượt chỉ tiêu kế hoạch năm.

⁴Có 56 di tích từ khi xếp hạng đến nay chưa được đầu tư tu bổ, tôn tạo và 47 di tích bị xuống cấp xuống cấp trầm trọng vì không có kinh phí để tu bổ, tôn tạo

phương chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo triển khai Nghị quyết 39/NQ-HĐND và Nghị quyết 26/NQ-HĐND nên tiến độ xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa còn chậm.

- *Về lao động - Thương binh và Xã hội:* Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm vẫn còn hạn chế. Công tác tuyển sinh của các cơ sở dạy nghề còn nhiều khó khăn, chất lượng đào tạo chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Việc thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tiến độ còn chậm. Tình hình tại nạn thương tích ở trẻ em vẫn còn xảy ra và chưa được kiểm soát (từ đầu năm đến nay có 34 trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích, trong đó có 33 trẻ bị tử vong do tai nạn đuối nước và 01 trẻ bị tử vong do tai nạn giao thông).

- *Về Thông tin - Truyền thông:* Việc quản lý thông tin xấu độc trên các trang mạng xã hội gặp nhiều khó khăn. Tiến độ thực hiện chuyển đổi số ở các ngành và địa phương còn chậm do hạn chế về nhân lực và kinh phí thực hiện. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn khó khăn, chưa đạt kế hoạch. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin ở các cơ quan quản lý nhà nước còn yếu, thiếu.

- *Về dân tộc, tôn giáo:* Mặc dù có bước cải thiện, nhưng nhìn chung đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn, công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững. Việc triển khai thực hiện các dự án, giải ngân nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 còn chậm, gặp nhiều khó khăn, lúng túng; một số mô hình hỗ trợ phát triển kinh tế, nâng cao sinh kế hiệu quả còn thấp.

3. Về tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Ban Văn hóa - Xã hội nhất trí với tờ trình và dự thảo Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thêm một số nội dung sau:

- *Về giáo dục và đào tạo:* Tiếp tục sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục ở các cấp học phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục, tinh gọn tổ chức bộ máy. Có giải pháp huy động các nguồn lực trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tiếp tục quan tâm việc nâng cao chất lượng việc dạy, học chương trình GDPT 2018. Cần có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng biên chế sự nghiệp giáo dục đối với các môn bắt buộc mới theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và hướng nghiệp, đào tạo nghề. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra việc huy động các khoản đóng góp không được cơ quan có thẩm quyền quy định.

- *Về Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân*: Tăng cường công tác phòng ngừa dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo thuốc, vắc-xin trang thiết bị, vật tư sinh phẩm y tế cho công tác khám, chữa bệnh. Có chính sách thu hút bác sỹ, nhân lực chuyên môn có trình độ cao về công tác tại các bệnh viện, trung tâm y tế; luân phiên bác sỹ về công tác tại trạm y tế. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh và đào tạo nâng cao chuyên môn cho đội ngũ nhân viên các trạm y tế để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án y tế cơ sở; đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế. Triển khai thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, hồ sơ bệnh án điện tử, sổ khám sức khỏe điện tử phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

- *Về văn hóa - thể thao*: Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực văn hóa. Thực hiện tốt công tác quản lý, trùng tu, tôn tạo các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; khai thác và quản lý, sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa đã được đầu tư xây dựng. Triển khai thực hiện các dự án đầu tư lĩnh vực văn hóa, thể thao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng; đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định.

- *Về lao động, thương binh và xã hội*: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là gia đình chính sách, gia đình có công, hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách khác. Thường xuyên nắm diễn biến thị trường lao động để có các chính sách giải quyết việc làm, đào tạo nghề phù hợp. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu đề ra. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về gia đình, chăm sóc trẻ em; phòng, chống tình trạng trẻ em bị đuối nước.

- *Về thông tin, truyền thông*: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin- truyền thông nhất là báo chí, xuất bản, quản lý thông tin trên báo điện tử, trang tin điện tử và mạng xã hội. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi số ở các ngành và địa phương, tăng cường tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Triển khai kịp thời, đúng tiến độ các chương trình, dự án đầu tư phát triển về công nghệ thông tin đã ban hành.

- *Về công tác dân tộc, tôn giáo*: Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả

các công trình được đầu tư xây dựng, tránh lãng phí, hư hỏng. Chủ động nắm tình hình, kịp thời chấn chỉnh các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm các quy định của Nhà nước.

II. Về Báo cáo tình hình tổ chức, kết quả chỉ đạo, điều hành hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025 của UBND tỉnh

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với Báo cáo tình hình tổ chức, kết quả chỉ đạo, điều hành hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025 của UBND tỉnh trên lĩnh vực văn hóa - xã hội.

III. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 16/8/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2023/NĐ-CP về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP quy định: “*Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Căn cứ điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn từ nguồn ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật*”; tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP quy định: “*Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ cộng đồng dân cư về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và ngân sách hiện hành*”.

Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã có nhiều địa phương triển khai xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, tuy nhiên đến nay chưa có chính sách hỗ trợ đối với nội dung này. Để kịp thời hỗ trợ các thôn, bản, tổ dân phố xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước thì việc đề nghị ban hành Nghị quyết là cần thiết.

Như vậy, từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ban Văn hóa - Xã hội thấy rằng việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội có ý kiến như sau: Dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ đối tượng áp dụng, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương, cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng mới hương ước, quy ước tối đa 4.000.000 đồng/thôn, bản, tổ dân phố/lần.

- Hỗ trợ sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước tối đa 2.000.000 đồng/thôn, bản, tổ dân phố/lần.

- Hỗ trợ thực hiện hương ước, quy ước tối đa 3.000.000 đồng/thôn, bản, tổ dân phố/năm.

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

IV. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý.

1. Về sự cần thiết, cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế về quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; ngày 29/3/2024 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý. Tuy nhiên, ngày 17/10/2024 Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 21/2024/TT-BYT quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thay thế Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023, trong đó tại khoản 3 Điều 9 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 110 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và không được vượt giá cao nhất của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định”.

Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất trong quản lý giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý theo quy định của Bộ Y tế, thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nói trên là cần thiết và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh nhận thấy:

Dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý bao gồm: Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa

bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm giá các dịch vụ:

- Giá dịch vụ khám bệnh và hội chẩn quy định gồm 8 dịch vụ (tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết).

- Giá dịch vụ ngày giường bệnh được quy định gồm 19 dịch vụ (tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết).

- Giá các dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm được quy định gồm 5.496 dịch vụ (tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết).

- Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ được quy định gồm 566 dịch vụ (tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết (gồm 566 dịch vụ)). Chi phí thuốc và oxy thanh toán với cơ quan bảo hiểm xã hội và người bệnh theo thực tế sử dụng và kết quả mua sắm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Mức giá quy định tại dự thảo Nghị quyết bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương; trong đó chi phí trực tiếp không thay đổi so với chi phí đã kết cấu trong mức giá quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT và Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND; chỉ điều chỉnh chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, chưa bao gồm quỹ tiền thưởng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại địa phương không cao hơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng tại các quyết định của Bộ Y tế phê duyệt giá cho các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế.

Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như Tờ trình đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm ý kiến sau:

- Kịp thời thông tin, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến Nhân dân; hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định. Công khai, minh bạch giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, cũng như thái độ, tinh thần phục vụ để đáp ứng yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh của Nhân dân.

V. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ đối với lưu học sinh Lào diện thỏa thuận hợp tác tại các trường cao đẳng, đại học thuộc tỉnh Quảng Bình quản lý.

1. Về sự cần thiết, cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

Ngày 10/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ đối với lưu học sinh Lào diện thỏa thuận hợp tác tại các trường cao đẳng, đại học thuộc tỉnh quản lý, để hỗ trợ toàn bộ các chi phí liên quan đến học tập, sinh hoạt phí cho lưu học sinh Lào diện thỏa thuận hợp tác đang theo học tại các Trường Đại học Quảng Bình và Trường Cao đẳng Y tế tại tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay đồng tiền KIP Lào bị mất giá và tại Việt Nam chi phí sinh hoạt cũng tăng lên so với thời gian trước, gây ảnh hưởng đến khả năng trang trải chi phí cho việc học tập và sinh sống của sinh viên Lào tại Việt Nam, một số lưu học sinh Lào do hoàn cảnh khó khăn nên không thể tiếp tục theo học và có đơn xin thôi học trở về nước. Vì vậy, để tạo điều kiện cho lưu học sinh Lào được tiếp tục theo học tại tỉnh Quảng Bình, việc điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ sinh hoạt phí cho lưu học sinh Lào là hết sức cần thiết.

Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ: *“Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ”*.

Như vậy, từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ban Văn hóa - Xã hội thấy rằng việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội có ý kiến như sau:

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi quy định về hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng tăng thêm sinh hoạt phí cho các sinh viên Lào đang học tại các trường Cao Đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh bao gồm: Lưu học sinh là học sinh, sinh viên Lào: 2.500.000 đồng/người/tháng; lưu học sinh là cán bộ Lào: 3.000.000 đồng/người/tháng” là phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện ngân sách của tỉnh.

Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

VI. Nghị quyết quy định về hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú

và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên, học sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

Ngày 24/3/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND quy định về hỗ trợ tăng thêm tiền ăn cho học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND). Tuy nhiên, hiện nay khi mức lương cơ sở tăng, chi phí sinh hoạt cũng tăng lên so với thời gian trước, ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của các em; mặt khác, tại Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND có một số đối tượng học sinh người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh chưa được hưởng chính sách hỗ trợ (như học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú; học sinh là người dân tộc thiểu số học trung cấp tại các trường cao đẳng...) nên khó khăn trong quá trình học tập, chưa đảm bảo công bằng đối với các em. Vì vậy, để cải thiện chế độ dinh dưỡng, bữa ăn cho học sinh tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên, học sinh là người dân tộc thiểu số thì việc ban hành Nghị quyết là hết sức cần thiết.

Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ: *“Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ”*.

Như vậy, từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ban Văn hóa - Xã hội thấy rằng việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện, quy trình và thủ tục hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và nằm trong khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, cụ thể:

- Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh phổ thông đang học tại trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, mức hỗ trợ: 700.000 đồng/học sinh/tháng. Như vậy, tiền ăn của các em sẽ được tăng thêm 1000.000 đồng/tháng, góp phần tăng thêm chất lượng khẩu phần ăn cho các em đang trong độ tuổi phát triển.

- Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh là người dân tộc thiểu số; học sinh là người dân tộc Kinh thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Nghị quyết số 48/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh, mức hỗ trợ: 200.000 đồng/học sinh/tháng.

- Hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đang học trình độ đại học, với mức: 3.630.000 đồng/sinh viên/tháng; Hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đang học trình độ cao đẳng, với mức: 2.700.000 đồng/sinh viên/tháng; Hỗ trợ sinh hoạt phí cho học sinh là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đang học trình độ trung cấp, với mức: 1.700.000 đồng/sinh viên/tháng.

Đây là chính sách an sinh xã hội có tính đặc thù riêng của tỉnh dành riêng cho các em học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, nhằm giảm bớt phần nào khó khăn, nâng cao chất lượng bữa ăn của các em; động viên, khuyến khích học sinh, sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có điều kiện được đến trường.

Quá trình thẩm tra Ban Văn hoá - Xã hội đã kiến nghị, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung và đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

VII. Đối với dự thảo Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công năm 2019, HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền “*Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu*”.

Ngày 04/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1508/QĐ-TTg về kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương; trong đó, vốn phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình là 199.747 triệu đồng (còn thiếu 23.589 triệu đồng so với tổng số vốn thông báo giai đoạn 2021 - 2025). Đồng thời, số vốn đối ứng ngân sách tỉnh còn lại của giai đoạn 2021 -

2025 là 25.000 triệu đồng được UBND tỉnh dự kiến phân bổ để kịp thời triển khai thực hiện hoàn thành các dự án trong năm 2025.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là cần thiết và đảm bảo quy định của pháp luật.

2. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 với tổng số vốn 224.747 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương 199.747 triệu đồng và ngân sách tỉnh 25.000 triệu đồng. Qua nghiên cứu, xem xét thấy rằng: ngoài số vốn còn thiếu chưa phân bổ cho các Dự án 6, Dự án 10 và một số nội dung của Dự án 2, các nguồn vốn phân bổ cho các dự án đã đảm bảo theo tổng mức vốn của giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh thông qua⁵. Vì vậy, Ban Văn hoá – Xã hội thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, có thêm ý kiến sau:

- Năm 2025 là năm cuối của kỳ Kế hoạch nhưng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh còn thiếu 23.589 triệu đồng so với tổng số vốn ngân sách trung ương cả giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh có ý kiến đề nghị Trung ương sớm phân bổ số vốn còn lại để tỉnh chủ động giao vốn cho các dự án thực hiện hoàn thành chương trình đúng kế hoạch.

- Về tình hình giải ngân: Do năm 2023 tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 62,76% nên số vốn kéo dài sang năm 2024 khá lớn. Trong khi đó, đến tháng 11/2024, theo báo cáo của Kho bạc nhà nước, tỷ lệ giải ngân mới chỉ đạt khoảng 67%, trong đó, có một số dự án tỷ lệ giải ngân quá thấp⁶. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch vốn năm 2025, đề nghị UBND tỉnh tích cực chỉ đạo đôn đốc các

⁵ Tại các Nghị quyết: số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, số 110/NQ-HĐND ngày 24/3/2023, số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023, số 187/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh về phân bổ và điều chỉnh vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.

⁶ Như: (1) Xây dựng đường giao thông liên xã từ Kim Thủy đi xã Ngân Thủy vốn KH 2024 phân bổ 13,22 tỷ đồng đến tháng 10/2024 giải ngân 0 đồng; (2) Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường PTDT nội trú tỉnh được phân bổ KH 2024 là 4,826 tỷ đồng nhưng đến tháng 10/2024 chỉ giải ngân 2.293 tỷ đồng (đạt 47,51% KH); (3) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn được phân bổ năm 2024 là 35,859 tỷ đồng nhưng đến tháng 10/2024 chỉ giải ngân 12.721 tỷ đồng (đạt 35,47% KH); (4) Hạ tầng giao thông kết hợp điện lưới vào khu dân cư các bản (Lòm - K.Chăm, Dộ - Tả Vòng) dân tộc Chứt xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa được phân bổ năm 2024 là 27,15 tỷ đồng nhưng đến tháng 10/2024 chỉ giải ngân 8,076 tỷ đồng (đạt 29,74% KH); Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tổng vốn năm 2024 giao cho huyện Bố Trạch là 11,963 tỷ đồng (vốn kéo dài 2023 sang 2024 là 9,273 tỷ đồng và vốn KH 2024 là 2,690 tỷ đồng) nhưng đến tháng 10/2024 mới chỉ giải ngân được 3,526 tỷ đồng (29,47%).

chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công để phân đấu hoàn thành dự án đúng kế hoạch.

VIII. Nghị quyết về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công năm 2019, HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền “*Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu*”.

Ngày 04/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1508/QĐ-TTg về kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương; trong đó, vốn phân bổ cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 14.370 triệu đồng nên cần được phân bổ cho các dự án để kịp thời triển khai trong năm 2025.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là cần thiết và đảm bảo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại nội dung trình lần này, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 là 14,37 tỷ đồng. Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy việc phân bổ chi tiết danh mục dự án và nguồn vốn đã đảm bảo đủ, đúng theo tổng mức phân bổ cho cả giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh thông qua⁷. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, qua theo dõi, giám sát, đến tháng 10 năm 2024, theo báo cáo của Kho bạc nhà nước, tỷ lệ giải ngân Chương trình đạt khoảng 52,14%, trong đó, một số dự án đạt quá thấp⁸. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch

⁷ Tại Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; số 125/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về điều chỉnh phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025, năm 2023 cho Tiểu dự án 3-Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

⁸ Như: (1) Dự án Đầu tư CSHT, trang thiết bị CNTT nhằm hiện đại hoá hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến, xây dựng CSDL việc tìm người - người tìm việc tổng vốn năm 2024 là 4,555 tỷ đồng (vốn kéo dài 2023 sang 2024 là 2,079 tỷ đồng và vốn KH 2024 là 2,476) nhưng đến tháng 10/2024 mới chỉ giải ngân được 1,522 tỷ đồng (33,41%); (2) Dự án Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo tổng vốn giao huyện Quảng Trạch năm 2024 là 3,034 tỷ đồng (vốn kéo dài 2023 sang 2024 là 0,034 tỷ đồng và vốn KH 2024 là 3,000 tỷ đồng) nhưng đến tháng 10/2024 mới chỉ giải ngân được 0,447 tỷ đồng (14,73%).

vốn năm 2025, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đơn đốc các địa phương, các chủ đầu tư khẩn trương đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo giải ngân đúng kế hoạch.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Bảo